

Số: 29

Ngày 30/7/2018

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.
2. Chứng chỉ hành nghề xây dựng có hiệu lực tối đa 05 năm.
3. Chế độ đãi ngộ đối với người Việt Nam có công với cách mạng, người tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài.
4. Các bộ, cơ quan ngang bộ cần quán triệt hơn nữa việc cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh.
5. Đến năm 2025, tỷ trọng đóng góp của ngành dịch vụ logistics vào GDP đạt 8% - 10%.
6. Lập biên bản và niêm phong tang vật khi phát hiện cơ sở bơm tạt chất vào tôm.
7. Tổ chức, cá nhân có thể phản ánh về hành vi gây phiền hà về thủ tục hành chính của công chức ngành công thương.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Luật Hành chính công.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Những hành vi nào được coi là gián điệp mạng?
2. Những hành vi nào là sử dụng không gian mạng để vi phạm pháp luật?
3. Những hành vi nào được coi là hành vi tấn công mạng?
4. Những hoạt động bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị ở trung ương và địa phương?

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. BẢO VỆ TỔ QUỐC LÀ NGHĨA VỤ THIÊN LIÊNG VÀ QUYỀN CAO QUÝ CỦA CÔNG DÂN

Ngày 02/6/2018 Quốc hội ban hành Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14.

Theo đó, Nhà nước thực hiện độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời; thực hiện chính sách hòa bình, tự vệ; sử dụng các biện pháp chính đáng, thích hợp để phòng ngừa, ngăn chặn, đẩy lùi, đánh bại mọi âm mưu và hành vi xâm lược. Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc, bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiên liêng và quyền cao quý của công dân; công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Nghiêm cấm các hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; thành lập, tham gia, tài trợ tổ chức vũ trang trái pháp luật; điều động, sử dụng người, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, trang bị, thiết bị, phương tiện để tiến hành hoạt động vũ trang khi chưa có lệnh hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc không có trong kế hoạch huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu đã được phê duyệt; chống lại hoặc cản trở cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ quốc phòng...

Luật quy định rõ nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh quốc phòng của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần, nhân lực, vật lực, tài chính, mang tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường. Quân đội nhân dân là lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, bao gồm lực lượng thường trực và lực lượng dự bị động viên. Lực lượng thường trực của Quân đội nhân dân có Bộ đội chủ lực và Bộ đội địa phương. Quân đội nhân dân có chức năng, nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; thực hiện công tác vận động, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; lao động sản xuất, kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội, tham gia phòng thủ dân sự, cùng toàn dân xây dựng đất nước; thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Nhà nước xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có lực lượng thường trực hợp lý, lực lượng dự bị động viên hùng hậu; một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Khi Tổ quốc bị xâm lược, Quốc hội quyết định tình trạng chiến tranh. Khi xảy ra tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng trong cả nước hoặc ở từng địa phương theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ vào quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh hoặc quyết định

ban bố tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có quyền ra mệnh lệnh đặc biệt để bảo đảm cho nhiệm vụ chiến đấu tại khu vực có chiến sự. Người đứng đầu chính quyền địa phương, cơ quan, tổ chức nơi có chiến sự phải chấp hành mệnh lệnh đặc biệt của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

2. CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ XÂY DỰNG CÓ HIỆU LỰC TỐI ĐA 05 NĂM

Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được cấp cho cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài hoạt động xây dựng hợp pháp tại Việt Nam để đảm nhận các chức danh hoặc hành nghề độc lập theo quy định của Luật xây dựng năm 2014. Chứng chỉ hành nghề có hiệu lực tối đa 05 năm. Riêng đối với chứng chỉ hành nghề của cá nhân nước ngoài, hiệu lực được xác định theo thời hạn được ghi trong giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng không quá 05 năm. Đây là nội dung được Chính phủ quy định tại Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

Theo đó, Bộ Xây dựng thống nhất quản lý về việc cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề; quản lý cấp mã số chứng chỉ hành nghề; hướng dẫn về

chuyên môn phù hợp khi xét cấp chứng chỉ hành nghề; công khai danh sách cá nhân được cấp chứng chỉ; tổ chức thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề trực tuyến.

Cá nhân chỉ được cấp chứng chỉ hành nghề khi đáp ứng các điều kiện: Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; đạt yêu cầu sát hạch đối với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

Chứng chỉ hành nghề bị thu hồi khi vi phạm một trong các trường hợp sau: cá nhân không còn đáp ứng điều kiện theo quy định; giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề; chứng chỉ hành nghề bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề; chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền; chứng chỉ hành nghề được cấp khi không đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực theo quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/9/2018.

3. CHẾ ĐỘ ĐÁI NGỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG, NGƯỜI THAM GIA KHÁNG

CHIẾN, CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ LÀM NHIỆM VỤ QUỐC TẾ ĐANG ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI

Người đã có quyết định công nhận là người có công với cách mạng thuộc diện hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp hằng tháng (bao gồm cả thân nhân của liệt sĩ được hưởng trợ cấp hằng tháng) theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, đang định cư ở nước ngoài nhưng bị dừng hưởng chế độ trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hằng tháng do hoạch định biên giới Quốc gia; người tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ đang định cư ở nước ngoài (gồm: Quân nhân, công nhân viên quốc phòng, quân nhân, công an nhân dân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, dân quân tập trung ở miền Bắc, trực tiếp làm nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, du kích tập trung (bao gồm cả lực lượng mật) tham gia hoạt động cách mạng, chiến đấu, phục vụ chiến đấu tại các chiến trường B, C, K...); người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế đang định cư ở nước ngoài...được hưởng chế độ hỗ trợ, mức hưởng được tính theo số năm thực tế tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế, dân công hỏa tuyến (gọi chung là thời gian công tác). Cụ thể như sau: Từ đủ 2 năm công tác trở xuống, mức hỗ trợ bằng 4.000.000 đồng; trên 2 năm, thì từ năm thứ 3 trở đi mỗi năm được cộng thêm 1.500.000 đồng. Trường hợp đã

từ trần trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thân nhân đối tượng được hỗ trợ một lần bằng 6.000.000 đồng.

Đây là nội dung được Chính phủ quy định tại Nghị định 102/2018/NĐ-CP ngày 20/7/2018 của Chính phủ. Ngoài mức hỗ trợ trên, các đối tượng còn được hưởng một số chế độ đãi ngộ khác, như: được cấp Giấy chứng nhận người tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; nếu về nước định cư, thì được hưởng chế độ bảo hiểm y tế như đối với người có công; khi từ trần thì người lo mai táng được hưởng trợ cấp mai táng phí.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 05/9/2018.

4. CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ CẦN QUÁN TRIỆT HƠN NỮA VIỆC CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Ngày 13/7/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 20/CT-TTg về việc tăng cường cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh.

Theo đó, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ cần quán triệt việc cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành, cắt giảm điều kiện kinh doanh là một trong những giải pháp quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng, giải phóng nguồn lực xã hội, tập trung chỉ đạo thực hiện công tác này một cách quyết liệt, thực chất, xử lý nghiêm

người đứng đầu các cơ quan, đơn vị không thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ được giao. Các bộ, cơ quan ngang bộ đẩy nhanh tiến độ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật còn thiếu để phục vụ công tác kiểm tra chuyên ngành; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành danh mục hàng hóa, sản phẩm, thủ tục kiểm tra chuyên ngành và điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Đầu tư và các quy định liên quan. Nghiêm cấm các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tự đặt thêm điều kiện kinh doanh, danh mục hàng hóa, thủ tục kiểm tra chuyên ngành trái quy định của pháp luật.

Các bộ, cơ quan ngang bộ trong quá trình xây dựng dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, danh mục hàng hóa, sản phẩm kiểm tra chuyên ngành phải bảo đảm rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, không tạo rào cản gia nhập thị trường, không làm phát sinh chi phí cho doanh nghiệp. Các bộ, cơ quan ngang bộ công bố kết quả cắt giảm, đơn giản hóa danh mục hàng hóa, sản phẩm, thủ tục kiểm tra chuyên ngành và cắt giảm điều kiện kinh doanh cùng lợi ích kinh tế mang lại ngay sau khi các văn bản thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa được cấp có thẩm quyền ban hành. Các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương tích cực tuyên truyền, phổ biến về kết quả cải cách hoạt động kiểm tra chuyên

ngành và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh.

5. ĐẾN NĂM 2025 TỶ TRỌNG ĐÓNG GÓP CỦA NGÀNH DỊCH VỤ LOGISTICS VÀO GDP ĐẠT 8-10%

Để giảm chi phí logistics, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông phát triển dịch vụ logistics thành một ngành dịch vụ đem lại giá trị gia tăng cao, góp phần tăng sức cạnh tranh cho nền kinh tế, với mục tiêu phát triển dịch vụ logistics đến năm 2025 đóng góp vào GDP đạt 8% - 10%, ngày 18/7/2018 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 21/CT-TTg về đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm giảm chi phí logistics, kết nối hiệu quả hệ thống hạ tầng giao thông.

Theo đó các bộ, ngành, địa phương, theo chức năng và nhiệm vụ được giao có chương trình cụ thể thực hiện kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 với 06 nhóm nhiệm vụ chính: hoàn thiện chính sách, pháp luật về dịch vụ logistics; nâng cao năng lực kết cấu hạ tầng logistics; nâng cao năng lực doanh nghiệp và chất lượng dịch vụ; phát triển thị trường dịch vụ logistics; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của dịch vụ logistics đối với sự phát triển của đất nước.

Bộ Giao thông vận tải khẩn trương rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đề tạo

môi trường cạnh tranh lành mạnh; thu hút các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh các loại hình vận tải và dịch vụ vận tải đa phương thức. Cắt giảm ít nhất 50% điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực giao thông vận tải; hoàn thành nhiệm vụ về đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành; nâng cấp, mở rộng hệ thống công nghệ thông tin trong các lĩnh vực giao thông vận tải để tham gia triển khai hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia và cơ chế một cửa ASEAN, góp phần tạo thuận lợi thương mại và tăng cường khả năng cạnh tranh quốc gia; nâng cao chất lượng công tác lập và tổ chức thực hiện quy hoạch; tăng cường kết nối các phương thức vận tải, giảm chi phí, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư trong xây dựng kết cấu hạ tầng; đề xuất cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư ngoài ngân sách, huy động các nguồn lực để xây dựng,

phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; xử lý nghiêm các vi phạm về tải trọng; quản lý việc lắp đặt, sử dụng thiết bị giám sát hành trình xe, thiết bị nhận dạng tự động, việc cấp và sử dụng phù hiệu, kê khai, niêm yết giá cước của các đơn vị vận tải... Phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong việc quản lý, giám sát và xử lý vi phạm về hoạt động vận tải trên địa bàn để bảo đảm cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động vận tải. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dành quỹ đất thích hợp để xây dựng trung tâm phân phối hàng hóa, dịch vụ hậu cảng, cảng cạn, kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông quốc gia để từng bước tạo thành mạng lưới kết cấu hạ tầng logistics hiện đại; căn cứ định hướng phát triển và thực tế điều kiện tại địa phương, chủ động phối hợp với các bộ, ngành tổ chức kêu gọi đầu tư xây dựng, hoàn chỉnh hệ thống logistics trên địa bàn.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

6. LẬP BIÊN BẢN VÀ NIÊM PHONG TANG VẬT KHI PHÁT HIỆN CƠ SỞ BOM TẠP CHẤT VÀO TÔM

Ngày 10/7/2018, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 07/2018/TT-BNNPTNT, quy định về kiểm tra tạp chất trong tôm và sản phẩm tôm. Theo đó, Thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất việc chấp

hành các quy định về kiểm soát, ngăn chặn tạp chất trong tôm.

Nội dung kiểm tra gồm: Kiểm tra các giấy tờ liên quan đến hoạt động đăng ký kinh doanh, chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm; việc quản lý nguyên liệu nhập và sử dụng nguyên liệu để sản xuất kinh doanh tôm; số lượng sản phẩm đang được sản xuất và kinh doanh, hồ sơ kỹ thuật; hồ sơ liên quan đến hoạt động tự kiểm soát của cơ sở; kiểm tra hiện trạng khu vực sản xuất, kho

nguyên liệu, kho thành phẩm và các khu vực khác có liên quan; đánh giá sự phù hợp quy định về kiểm soát tạp chất đối với nguyên liệu, bán thành phẩm và thành phẩm của cơ sở.

Trường hợp tổ chức kiểm tra theo đoàn, khi phát hiện vi phạm về tạp chất hoặc kết quả kiểm tra tại chỗ kết luận lô tôm có tạp chất, Trưởng đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính theo thẩm quyền; niêm phong tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; báo cáo Thủ trưởng cơ quan kiểm tra để ban hành quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi niêm phong. Trường hợp kiểm tra viên được phân công kiểm tra độc lập, khi phát hiện vi phạm về tạp chất hoặc kết quả kiểm tra tại chỗ kết luận lô tôm có tạp chất, có quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo và báo cáo Thủ trưởng cơ quan kiểm tra để có biện pháp xử lý phù hợp.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 24/8/2018.

7. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ THỂ PHẢN ÁNH VỀ HÀNH VI GÂY PHIỀN HÀ VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÔNG CHỨC NGÀNH CÔNG THƯƠNG

Đây là nội dung được quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BCT của Bộ Công thương ban hành ngày 19/7/2018 quy định về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Theo đó, Văn phòng Bộ là đầu mối tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của

cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Tổ chức, cá nhân có thể phản ánh, kiến nghị bằng văn bản hoặc qua điện thoại, qua dữ liệu điện tử, qua phiếu lấy ý kiến hoặc các tham luận, các ý kiến phát biểu tại các Hội nghị lấy ý kiến tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính trong lĩnh vực Công Thương theo Quyết định của Bộ trưởng.

Đối với phản ánh, kiến nghị về hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước, của công chức Bộ Công Thương, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được phản ánh, kiến nghị, Văn phòng Bộ chuyển phản ánh, kiến nghị tới cơ quan, đơn vị được phản ánh, kiến nghị hoặc cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý công chức có hành vi được phản ánh, kiến nghị để xử lý theo quy định của pháp luật và yêu cầu báo cáo Bộ trưởng kết quả xử lý trong thời hạn cụ thể.

Đối với phản ánh, kiến nghị về nội dung quy định hành chính: Trường hợp không thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Công Thương: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày Văn phòng Bộ nhận được phản ánh, kiến nghị, Văn phòng Bộ hướng dẫn tổ chức, cá nhân gửi phản ánh, kiến nghị đó đến các cơ quan có liên quan; các văn bản phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc thẩm quyền ban hành của Bộ Công Thương: Văn phòng Bộ chuyển phản

ánh, kiến nghị tới cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ giúp Bộ soạn thảo quy định hành chính để nghiên cứu xử lý và yêu cầu báo cáo lại kết quả xử lý trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

Khi nhận được văn bản chuyển phản ánh, kiến nghị của Văn phòng Bộ, các đơn vị thuộc Bộ có trách

nhiệm xem xét xử lý theo đúng quy định của pháp luật, báo cáo Bộ trưởng kết quả xử lý trong thời hạn quy định đồng thời gửi về Văn phòng Bộ để thông báo kết quả xử lý cho cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 03/9/2018.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT HÀNH CHÍNH CÔNG

Quốc hội đang tổ chức lấy ý kiến góp ý vào dự thảo Luật hành chính công. Luật này quy định nguyên tắc chung trong quản lý, điều hành, thực hiện hành chính công; thủ tục hành chính; dịch vụ công; chính phủ điện tử; kiểm soát hành chính công; mối quan hệ, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện hành chính công.

Theo đó, nghiêm cấm cán bộ, công chức, viên chức có các hành vi vi phạm đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, thiếu gương mẫu, làm mất uy tín cá nhân và cơ quan; sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc thời giờ làm việc công vào việc riêng tư; chi tiêu công quỹ tùy tiện, vô nguyên tắc; sử dụng lãng phí nguồn nhân lực; lo thu vén cho cá nhân, gia đình, dòng họ; thiếu quan tâm đến lợi ích chung; tham mưu, đề xuất giải quyết công việc hoặc tham gia ban hành văn bản có các quy định, quy trình, thủ tục trái pháp luật vì lợi ích cá nhân, gia đình,

dòng họ hoặc lợi ích nhóm; né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; trì hoãn, chậm trễ, không chủ động thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ, quyền hạn được giao; vượt quyền, lạm quyền; thiếu trách nhiệm đối với người dân, doanh nghiệp trong thực thi chức trách, nhiệm vụ được giao.

Đối với người đứng đầu các cơ quan, tổ chức của Nhà nước cấm các hành vi: độc đoán, chuyên quyền, gia trưởng, thiếu dân chủ trong chỉ đạo, điều hành; né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không chủ động bàn bạc, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, các cấp trong hoạt động hành chính công; coi trọng việc giải quyết những vấn đề ngắn hạn, trước mắt, có lợi cho cá nhân, gia đình, dòng họ hoặc lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm; thiếu quan tâm lợi ích chung; không bảo đảm công bằng trong quy hoạch, đầu tư, phát triển; tự mình hoặc chỉ đạo cấp dưới tùy tiện quyết định tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm cán bộ thiếu trách nhiệm, không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, quy trình, gây bức xúc dư luận; tham lam,

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

đổ ky, kèn cựa địa vị, tranh chức, tranh quyền; háo danh, phô trương thành tích; tham ô, tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn cấu kết với doanh nghiệp, với đối tượng khác để trục lợi; lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực...

Tổ chức, công dân khi yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính có các quyền và nghĩa vụ sau: được tư vấn, được giải trình, được tiếp cận hồ sơ, được bảo mật các thông tin cá nhân, bí mật kinh doanh; cung cấp tài liệu, hồ sơ trung thực cho cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật; nhận xét, đánh giá, giám sát cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Công dân có quyền lựa chọn một hoặc các hình thức giám sát đối với hoạt động hành chính công sau đây: tự mình làm đơn khiếu nại hoặc tố cáo hoặc khiếu kiện theo quy định của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo hoặc các Luật khác có liên quan; tự mình làm đơn đề nghị, phản ánh, kiến nghị gửi trực tiếp hoặc gửi trực tuyến đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan có liên quan; tham gia thành viên Ban Thanh tra Nhân dân hoặc phản ánh, kiến nghị với Ban Thanh tra Nhân dân

ở xã, phường, thị trấn, ở cơ quan Nhà nước, đơn vị công lập, doanh nghiệp Nhà nước; phát biểu công khai phản ánh ý kiến, kiến nghị tại buổi tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; nếu có căn cứ xác định được hành vi vi phạm pháp luật hoặc phạm tội trong hoạt động hành chính công thì cung cấp trực tiếp hoặc gửi tin nhắn đến số điện thoại của cơ quan Công an, hoặc Viện Kiểm sát nhân dân theo quy định của pháp luật.

Công dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật phải bị xem xét xử lý hành chính, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ, có hành vi gây thiệt hại về tài sản, sức khỏe, danh dự của công dân, cơ quan, tổ chức khác phải xin lỗi công khai tại cuộc họp, bằng văn bản hoặc trên phương tiện thông tin đại chúng; phải bồi thường theo quy định của pháp luật; cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu mà các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới phát hiện được những hành vi vi phạm nghiêm trọng trong quá trình thực thi công vụ khi còn đương chức, gây thiệt hại lớn về tài sản, môi trường, sức khỏe, danh dự, uy tín của người khác, thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vi phạm và hậu quả đã xảy ra.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Những hành vi nào được coi là gián điệp mạng?

*** Trả lời:** Khoản 1, điều 17 Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 12/6/2018 quy định hành vi gián điệp mạng bao gồm:

1. Chiếm đoạt, mua bán, thu giữ, cố ý làm lộ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư gây ảnh hưởng đến danh dự, uy tín, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Cố ý xóa, làm hư hỏng, thất lạc, thay đổi thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư được truyền đưa, lưu trữ trên không gian mạng.

3. Cố ý thay đổi, hủy bỏ hoặc làm vô hiệu hóa biện pháp kỹ thuật được xây dựng, áp dụng để bảo vệ thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư.

4. Đưa lên không gian mạng những thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư trái quy định của pháp luật.

5. Cố ý nghe, ghi âm, ghi hình trái phép các cuộc đàm thoại.

6. Hành vi khác cố ý xâm phạm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí

mật kinh doanh, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và đời sống riêng tư.

2. Hỏi: Những hành vi nào là sử dụng không gian mạng để vi phạm pháp luật?

*** Trả lời:** Khoản 1, điều 18 Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 12/6/2018 quy định những hành vi sử dụng không gian mạng để vi phạm pháp luật bao gồm:

1. Đăng tải, phát tán thông tin trên không gian mạng có nội dung quy định tại các quy định của Luật này.

2. Chiếm đoạt tài sản; tổ chức đánh bạc, đánh bạc qua mạng Internet; trộm cắp cước viễn thông quốc tế trên nền Internet; vi phạm bản quyền và sở hữu trí tuệ trên không gian mạng.

3. Giả mạo trang thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân; làm giả, lưu hành, trộm cắp, mua bán, thu thập, trao đổi trái phép thông tin thẻ tín dụng, tài khoản ngân hàng của người khác; phát hành, cung cấp, sử dụng trái phép các phương tiện thanh toán.

4. Tuyên truyền, quảng cáo, mua bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục cấm theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn người khác thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

6. Hành vi khác sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

3. Hỏi: Những hành vi nào được coi là hành vi tấn công mạng?

*** Trả lời:** Khoản 1, điều 19 Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 12/6/2018 quy định những hành vi sau đây được coi là hành vi tấn công mạng:

1. Phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

2. Gây cản trở, rối loạn, làm tê liệt, gián đoạn, ngưng trệ hoạt động, ngăn chặn trái phép việc truyền đưa dữ liệu của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, phương tiện điện tử.

3. xâm nhập, làm tổn hại, chiếm đoạt dữ liệu được lưu trữ, truyền đưa qua mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

4. xâm nhập, tạo ra hoặc khai thác điểm yếu, lỗ hổng bảo mật và dịch vụ hệ thống để chiếm đoạt thông tin, thu lợi bất chính.

5. Sản xuất, mua bán, trao đổi, tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm có tính năng tấn công mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu,

phương tiện điện tử để sử dụng vào mục đích trái pháp luật.

6. Hành vi khác gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mạng viễn thông, mạng Internet, mạng máy tính, hệ thống thông tin, hệ thống xử lý và điều khiển thông tin, cơ sở dữ liệu, phương tiện điện tử.

4. Hỏi: Những hoạt động bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị ở trung ương và địa phương?

*** Trả lời:** Khoản 1, điều 123 Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 12/6/2018 quy định nội dung triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị ở trung ương và địa phương bao gồm:

1. Xây dựng, hoàn thiện quy định, quy chế sử dụng mạng máy tính nội bộ, mạng máy tính có kết nối mạng Internet; phương án bảo đảm an ninh mạng đối với hệ thống thông tin; phương án ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng.

2. Ứng dụng, triển khai phương án, biện pháp, công nghệ bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin và thông tin, tài liệu được lưu trữ, soạn thảo, truyền đưa trên hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý.

3. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về an ninh mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; nâng cao năng lực bảo vệ an ninh mạng cho lực lượng bảo vệ an ninh mạng.

4. Bảo vệ an ninh mạng trong hoạt động cung cấp dịch vụ công trên không gian mạng, cung cấp, trao đổi, thu thập thông tin với cơ quan, tổ chức, cá nhân, chia sẻ thông tin trong nội bộ và với cơ quan khác hoặc trong hoạt động khác theo quy định của Chính phủ.

5. Đầu tư, xây dựng hạ tầng cơ sở vật chất phù hợp với điều kiện bảo đảm triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin.

6. Kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin; phòng, chống hành vi vi phạm pháp luật về an ninh mạng; ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng.